

# ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2011-2015

**Trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2006-2010, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Tỉnh, Thành phố trực thuộc TƯ, các tập đoàn kinh tế, TCT nhà nước đang triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015. Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015 được thực hiện trong bối cảnh kinh tế thế giới biến đổi nhanh, phức tạp và khó lường, đặc biệt là hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu diễn ra trong năm 2008, 2009. Ở trong nước, những thành tựu to lớn của 25 năm đổi mới, và 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010 cùng với sự ổn định về chính trị-xã hội của đất nước là những nền tảng vững chắc để bước vào việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội những năm tiếp theo.**

## Mục tiêu tổng quát

Phát triển nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững trên cơ sở tái cấu trúc lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tăng nhanh hàm lượng khoa học và công nghệ cao trong sản phẩm. Nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, dân tộc thiểu số, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội.

**Định hướng phát triển các ngành lĩnh vực**

**Phát triển công nghiệp và xây dựng**

**Mục tiêu:** Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và hiện đại. Phát triển công nghiệp với tốc độ cao, nâng cao chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp thông qua chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng giảm mạnh tỷ lệ công nghiệp khai

thác, tăng tỷ lệ công nghiệp chế biến, chế tác sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Phấn đấu phát triển công nghiệp giữ vai trò động lực trong phát triển kinh tế và quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, đảm bảo thực hiện phần lớn các dự án trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm cả các dự án quy mô lớn, kỹ thuật tiên tiến. Phấn đấu từng bước tự thực hiện các dự án quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật công nghệ cao như đường sắt cao tốc, đường sắt nội đô, cầu lớn... Mở rộng địa bàn xuất khẩu xây dựng ra

nước ngoài, trước hết là các nước trong khu vực và những ngành, nghề Việt Nam có trình độ cao.

Phấn đấu giá trị gia tăng ngành công nghiệp-xây dựng bình quân 5 năm 2011-2015 đạt 7,5-8,5%. Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân 5 năm tăng 12,5-13,5%. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP đến năm 2015 đạt 40-41%. Tỷ trọng công nghiệp chế biến trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt 93,8%. Tỷ trọng hàng công nghiệp xuất khẩu trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá cả nước đạt 87%. Cơ cấu lao động ngành công nghiệp và xây dựng trong tổng lực lượng lao động toàn xã hội đạt 28-29% năm 2015. Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành xây dựng tăng 14%/năm.

*Định hướng và các giải pháp phát triển ngành*

Phát triển đồng bộ công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, khai khoáng, luyện kim,





hoá chất, công nghiệp quốc phòng.

Phát triển năng lực nghiên cứu thiết kế sản phẩm và chuyển dịch mạnh sang các ngành công nghiệp chế tác có tiềm năng, có hàm lượng công nghệ cao nhằm tạo bước nhảy vọt về chất lượng phát triển, nâng cao năng suất lao động. Khuyến khích phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, có giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu, đồng thời giữ vững, tăng tỷ lệ thị phần trong nước.

Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, năng lượng sạch và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu.

Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp sử dụng nhiều lao động, góp phần đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu lao động.

Nâng cao năng lực công nghiệp xây lắp với công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và đủ sức cạnh tranh quốc tế. Phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu chất lượng cao.

Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp hiện có và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn và hiệu quả cao.

#### **Nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

**Mục tiêu:** Phát triển nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả bền vững. Phát triển sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài; đẩy mạnh xuất khẩu nông sản có chất lượng cao. Xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, giàu đẹp, có kinh tế phát triển, kết cấu

hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại.

Phấn đấu giá trị gia tăng sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 5 năm 2011-2015 bình quân đạt 2,7-3,7%/năm; tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân đạt 4,1-5,1%/năm. Lương thực bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 470 kg/người. Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2015 chiếm 40-41% lao động toàn xã hội. 96% dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh vào năm 2015. Nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn tăng 18-2 lần so với năm 2010.

#### **Định hướng và giải pháp phát triển ngành**

Đảm bảo ổn định sản lượng lúa khoảng 40 triệu tấn, sản lượng ngũ cốc khoảng 45 triệu tấn, thực hiện chiến lược an ninh lương thực quốc gia, trên cơ sở cân đối đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước cho người làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, mỗi năm xuất khẩu 3,5-4,5 triệu tấn gạo.

Mở rộng diện tích các loại cây ăn quả có lợi thế; phát triển vùng rau tập trung, rau chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm, phát triển măng, nấm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tập trung tăng năng suất, chất lượng, chế biến, xây dựng thương hiệu sản phẩm các cây công nghiệp.

Phát triển nhanh ngành chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, an toàn dịch bệnh, phù hợp với lợi thế của từng vùng; chú trọng phát triển chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở trung du, miền núi và Tây Nguyên; tập trung cải tạo và nâng cao chất lượng giống, áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả; tăng cường công tác thú y, phòng chống dịch bệnh; phát triển sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp; tổ chức lại và hiện đại hoá cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm.

Phát triển lâm nghiệp toàn diện từ quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 3 loại rừng: rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Gắn phát triển trồng rừng nguyên liệu với công nghiệp chế biến ngay từ trong quy hoạch và dự án đầu tư, lấy nguồn thu từ rừng để bảo vệ, phát triển rừng và từng bước làm giàu từ rừng.

Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản đa dạng, theo quy hoạch, phát huy lợi thế của từng vùng gắn với thị trường; xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng vùng nuôi, trồng, trước hết là thủy lợi; áp dụng rộng rãi các quy trình công nghệ sinh sản nhân tạo; xây dựng hệ thống thú y thủy sản; kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống, thức ăn, môi trường nuôi; hiện đại hoá các cơ sở chế biến, đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm. Ổn định khai thác thủy sản gần bờ, tăng đánh bắt xa bờ; tăng sản lượng nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi trồng thủy sản nước lợ, nuôi trồng trên biển, đồng thời phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt trong ao hồ, sông, hồ chứa; tăng chế biến thủy sản có giá trị cao, đa dạng hoá cơ cấu sản phẩm.

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn sản xuất với chế biến và thị trường. Phát triển sản xuất với quy mô hợp lý các loại nông sản hàng hoá xuất khẩu có lợi thế, nông sản thay thế nhập khẩu.

#### **Phát triển các ngành dịch vụ**

**Mục tiêu:** Tạo bước phát triển vượt bậc các ngành dịch vụ, nhất là những ngành dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh. Xây dựng được các dịch vụ cơ bản đem lại giá trị lớn và hiệu quả cao, đồng thời có khả năng tham gia mạnh vào phân công lao động quốc tế.

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân lĩnh vực dịch vụ giai đoạn 5 năm 2011-2015 đạt 8-9%/năm. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP



đến năm 2015 đạt 40-42%. Tăng trưởng tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt khoảng 30%. Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam vào năm 2015 đạt 9 triệu lượt khách, tăng trưởng bình quân 8,5%/năm. Đến năm 2015 tăng thêm 30 triệu thuê bao internet. Tốc độ tăng trưởng bình quân năng lực vận chuyển hàng hoá đạt 12%/năm; năng lực vận chuyển hành khách tăng bình quân 11,5%/năm.

#### *Định hướng và các giải pháp*

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng một số ngành có lợi thế như: viễn thông, hàng hải, hàng không, thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học công nghệ, dịch vụ công, tư vấn, thiết kế, tổ chức thi công... đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động dịch vụ. Thực hiện đồng bộ các chính sách thúc đẩy phát triển ngành dịch vụ, trong đó ưu tiên các dịch vụ công nghiệp cao, các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, cải thiện các hạ tầng thiết yếu như viễn thông, giáo dục và đào tạo, dịch vụ kinh doanh, tài chính và vận tải. Hiện đại hoá và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán; mở rộng các dịch vụ mới, nhất là những dịch vụ cao cấp, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Đẩy mạnh dịch vụ công cộng như dịch vụ khoa học và công nghệ, giáo dục đào tạo, văn hoá, thông tin, thể thao, dịch vụ việc làm và an sinh xã hội để phát triển nhanh và có hiệu quả các lĩnh vực văn hoá - xã hội.

Thu hút có hiệu quả sự tham gia tích cực của tất cả các thành phần kinh tế, phát huy sức mạnh tổng lực tạo sự chuyển biến về chất của thị trường và ngành thương mại.

Phát triển mạnh thương mại trong nước trên tất cả các vùng và gia tăng nhanh xuất khẩu. Hoàn thiện cơ bản hệ thống phân phối, đặc biệt là đối với những mặt hàng trọng yếu. Nâng cao năng lực cạnh tranh của

doanh nghiệp phân phối, xác lập vị trí vững chắc của doanh nghiệp trên thị trường bán lẻ sau khi mở cửa.

Đa dạng hoá sản phẩm và các loại hình du lịch, nâng cao chất lượng và hiệu quả để đạt đẳng cấp quốc tế.

Nhanh chóng hiện đại hoá lĩnh vực xây dựng để đủ sức đáp ứng nhu cầu xây dựng trong nước và tiến tới có thể xuất khẩu. Coi trọng phát triển dịch vụ ở khu vực nông thôn.

Tăng cường năng lực điều hành thị trường, dự báo sớm và có hiệu quả những biến động thị trường để có biện pháp điều hành kịp thời.

Thực hiện các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mở rộng, nâng cấp, hiện đại hoá mạng lưới viễn thông, khai thác tối đa công suất cơ sở hạ tầng hiện có, giảm giá cước phù hợp cùng với nâng cao chất lượng dịch vụ. Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống cảng biển, sân bay... cải tạo, nâng cao chất lượng các phương tiện vận tải, cải thiện chất lượng dịch vụ.

#### *Xuất nhập khẩu hàng hoá*

**Mục tiêu:** Phát triển xuất khẩu một cách bền vững, làm động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; kiểm soát nhập siêu, hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng.

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hoá bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 12%/năm, đạt mức 117 tỷ USD vào năm 2015; tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá 2011-2015 đạt khoảng 470 tỷ USD.

Kiểm soát tốc độ tăng trưởng nhập khẩu bình quân giai đoạn 2011-2015 khoảng 11%/năm; tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tăng khoảng 80 tỷ USD năm 2010 lên 130 tỷ USD năm 2015; đạt khoảng 535 tỷ USD cả thời kỳ 2011-2015.

Giảm dần chênh lệch nhập siêu hàng hoá, mỗi năm bình quân nhập siêu dưới 13 tỷ USD và cả thời kỳ là 65 tỷ USD, bằng 13,8%

tổng kim ngạch xuất khẩu.

#### *Định hướng và các giải pháp*

Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có giá trị tăng cao; tăng sản phẩm chế biến và chế tạo, sản phẩm có hàm lượng công nghệ và chất xám cao, giảm dần tỷ trọng hàng thô. Giảm dần việc xuất khẩu các mặt hàng nguyên, nhiên liệu (dầu thô, than đá), trong đó hạn chế dần xuất khẩu dầu thô để sử dụng cho nhà máy Dung Quất phục vụ sản xuất trong nước, tạo ra giá trị gia tăng cao hơn. Tập trung thúc đẩy phát triển xuất khẩu nhóm hàng nông lâm, thủy sản, đặc biệt là những sản phẩm lợi thế có năng suất cao; đảm bảo chất lượng quốc tế và giá trị gia tăng cao. Tiếp tục tăng mạnh xuất khẩu hai mặt hàng chủ lực là dệt may và giấy dếp, đồng thời tăng cường phát triển xuất khẩu các mặt hàng mới như tàu biển, sản phẩm cơ khí, điện; các sản phẩm có nhiều tiềm năng như thủ công mỹ nghệ; thực phẩm chế biến; sản phẩm gỗ; hoá phẩm tiêu dùng; sản phẩm nhựa... Tập trung xuất khẩu hàng điện tử và tin học, các sản phẩm phần mềm.

Tích cực, chủ động mở rộng thị trường, đa phương hoá và đa dạng hoá quan hệ với các đối tác; tận dụng mọi khả năng để tăng mức xuất khẩu trên tất cả các thị trường đã có, song song với việc đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường có sức mua lớn nhưng hiện còn chiếm tỷ trọng thấp; tìm kiếm, mở ra các thị trường mới.

Đổi mới cách thức tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại theo hướng chú trọng vào khâu tổ chức và cung cấp thông tin thị trường, giảm bớt các chương trình khảo sát thị trường mang tính nhỏ lẻ, tập trung xúc tiến thương mại tại các thị trường trọng điểm có kim ngạch nhập khẩu lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, một số nước EU...

Thúc đẩy để sớm ký kết các Hiệp



định song phương và đa phương thiết lập các khu vực mậu dịch tự do để tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu, qua đó giảm nhập siêu. Thực hiện quyền yêu cầu cân bằng thương mại lẫn nhau của WTO để trao đổi với các đối tác thương mại mà Việt Nam nhập siêu phối hợp tìm giảm pháp giảm nhập và tăng xuất từ Việt Nam. Đẩy mạnh đàm phán với các nước để triển khai ký kết các thoả thuận song phương và công nhận lẫn nhau về kiểm dịch thực vật, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, nhất là các thị trường xuất khẩu trọng điểm như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Australia, New Zealand...

Nghiên cứu và phát triển hình thức xúc tiến doanh nghiệp nhằm kêu gọi các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trên thế giới vào đầu tư sản xuất và cung ứng nguyên phụ liệu tại Việt Nam.

Xây dựng các trung tâm cung ứng nguyên-phụ liệu, đóng vai trò là đầu mối tổ chức nhập khẩu và cung ứng nguyên-phụ liệu cho các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu trong nước, đặc biệt là trong một số lĩnh vực như sản xuất hàng dệt may, giày dép, sản phẩm gỗ, sản phẩm nhựa... nhằm nâng cao khả năng cung ứng nguyên liệu cho sản xuất một cách kịp thời và với chi phí thấp hơn.

Đối với nhập khẩu hàng hoá: Ưu tiên nhập khẩu vật tư, thiết bị và công nghệ tiên tiến; giữ thế chủ động trong nhập khẩu, tập trung vào nhập khẩu thiết bị hiện đại từ các nước có công nghệ nguồn; giảm nhanh và tiến tới hạn chế nhập khẩu thiết bị công nghệ lạc hậu hoặc công nghệ trung gian; hạn chế nhập khẩu hàng hoá vật tư thiết bị cũng như hàng tiêu dùng trong nước có thể sản xuất và đáp ứng được. Kiểm soát nhập khẩu các sản phẩm từ hoá dầu, gas, đá quý, kim loại quý. Đối với nhóm này, kiểm soát và hạn chế,

tránh tăng đột biến làm gia tăng kim ngạch nhập khẩu. Hạn chế nhập khẩu các nguyên phụ liệu thuốc lá, hàng tiêu dùng, ô tô dưới 12 chỗ ngồi, linh kiện ô tô dưới 12 chỗ, linh kiện xe máy. Nhóm hàng này chiếm khoảng 8% kim ngạch nhập khẩu.

Xây dựng các biện pháp và tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm bảo vệ sản phẩm trong nước phù hợp với các quy định của WTO và các Hiệp định quốc tế mà Việt Nam ký kết.

Thực hiện chương trình hiện đại hoá và cải cách thủ tục hải quan: xây dựng lộ trình rút ngắn thời gian tiến hành các thủ tục hải quan cho hàng hoá xuất - nhập khẩu để giảm thời gian tiến hành các thủ tục hải quan cho hàng hoá xuất - nhập khẩu của Việt Nam xuống đạt mức trung bình của khu vực ASEAN thông qua việc tăng cường áp dụng các biện pháp để tiến hành hải quan điện tử, hải quan một cửa.

#### **Một số lĩnh vực xã hội**

**Giáo dục đào tạo:** Xây dựng nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, đưa nền giáo dục nước ta ra khỏi tình trạng lạc hậu so với các nước tiên tiến trong khu vực. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo - quản lý giỏi, đội ngũ chuyên gia, đội ngũ chuyên gia, đội ngũ quản trị doanh nghiệp giỏi và đội ngũ lao động lành nghề, đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ đầu đàn, làm cho nguồn nhân lực trở thành một lợi thế cạnh tranh chủ yếu và lâu dài của nước ta.

**Khoa học và công nghệ:** Tăng nhanh năng lực khoa học, công nghệ có trọng tâm, trọng điểm và đồng bộ về cơ sở vật chất và nhân lực gắn với việc nâng cao hiệu quả sử dụng. Phát triển toàn diện các lĩnh vực cả khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ đủ

sức đáp ứng yêu cầu của công cuộc phát triển đất nước. Tăng hàm lượng khoa học và công nghệ trong các sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam, tạo chuyển biến cơ bản về năng suất, chất lượng và hiệu quả ở một số ngành kinh tế quan trọng. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại và công nghệ mới phục vụ trực tiếp cho việc triển khai thực hiện chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ cao và hình thành một số ngành công nghiệp công nghệ cao.

**Lao động việc làm:** Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết ngày càng nhiều việc làm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Giai đoạn 2011-2015 tạo việc làm mới cho 8 triệu lượt lao động, trong đó đưa khoảng 45 vạn lao động đi làm việc ở nước ngoài. Giảm tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi lao động khu vực thành thị đến năm 2015 xuống 4%.

**Phát triển văn hoá thông tin:** Phát triển văn hoá và xây dựng con người Việt Nam, gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế-xã hội; xử lý có hiệu quả mối quan hệ giữa văn hoá và kinh tế. Hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam về lý tưởng, trí tuệ, đạo đức, lối sống, thể chất, năng lực sáng tạo, năng lực hội nhập, lòng tự tôn dân tộc, trách nhiệm xã hội, ý thức cộng đồng, lòng nhân ái khoan dung, ý thức chấp hành pháp luật.

**Thực hiện tốt công tác xoá đói giảm nghèo và bảo đảm công bằng xã hội:** Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong xoá đói giảm nghèo. Thực hiện tốt tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển phù hợp với trình độ và điều kiện cụ thể. Nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước theo chuẩn nghèo mới (áp dụng giai đoạn 2011-2015), bình quân mỗi năm giảm 2% hộ nghèo. □